

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2025

V/v Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Ông Nguyễn Bình Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐ-ST ngày 31/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Chị L ủy quyền cho chị Hà Thu H, sinh năm 2001; Nơi cư trú: tổ T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án (không triệu tập chị H)

2. Bị đơn: Anh Giáp Văn N, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Văn P, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 04/12/2024 (có xác nhận của Văn phòng K tại Đ) nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Giáp Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 quyển số 01 vào ngày 28/01/2008. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị đi lao động tại Đài Loan theo diện xuất khẩu lao động để xây dựng kinh tế gia đình. Trong quá trình sinh sống và làm việc tại Đài Loan, do tính chất công việc và khoảng cách địa lý xa xôi nên cả hai ít có thời gian quan tâm đến nhau. Điều này khiến cho cuộc sống vợ chồng gặp nhiều khó khăn, tình cảm dần phai nhạt, không còn như lúc ban đầu, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù chị và anh N đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng và việc chăm sóc, giáo dục con cái. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều xác định không thể chung sống với nhau nữa nên chị làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét, giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là cháu Giáp Thị L1, sinh ngày 30/10/2008 và cháu Giáp Thị Bích P1, sinh ngày 09/01/2015. Sau ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Giáp Thị Bích P1 cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng tạm giao cho ông ngoại (ông Vũ Văn P) chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị về nước sinh sống. Đề nghị giao cháu Giáp Thị L1 cho anh Giáp Văn Nghĩa L2 người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L trình bày: Do chị đang lao động tại Đài Loan nên không về Việt Nam làm việc với Tòa án được nên chị đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị ủy quyền cho chị Hà Thu H, sinh năm 2001; Nơi cư trú: tổ T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án.

Bị đơn anh Giáp Văn N trình bày: anh, chị L được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau kết hôn chị L về nhà anh làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2015 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị L đi lao động tại nước ngoài đến năm 2023 chị L có về thăm gia đình một thời gian, sau đó lại tiếp tục đi lao động tại nước ngoài. Quá trình đi lao động chị L có thỉnh thoảng điện thoại về hỏi với gia đình. Nay anh xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: anh, chị L có 02 con chung là cháu Giáp Thị L1, sinh ngày 30/10/2008 và cháu Giáp Thị Bích P1, sinh ngày 09/01/2015. Sau ly hôn anh đề nghị giao hai con chung cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh N trình bày: Do bận công việc nên anh đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn P trình bày:

Về hôn nhân chị L, anh N được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị L đi lao động nước ngoài, thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng không được.

Về con chung: chị L, anh N có hai con chung là cháu Giáp Thị L1, sinh ngày 30/10/2008 và cháu Giáp Thị Bích P1, sinh ngày 09/01/2015. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh N. Ông đồng ý nuôi dưỡng cháu P1 trong thời gian chị L ở nước ngoài nếu Tòa án giao cháu P1 cho chị L nuôi dưỡng. Ông xác định đây là quyền và nghĩa vụ của ông, bà đối với con cháu nên cũng không yêu cầu chị L, anh N trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P1.

Do bận công việc nên ông đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Cháu Giáp Thị L1 và cháu Giáp Thị Bích P1 trình bày: Các cháu hiện tại đang ở cùng bố, được bố chăm sóc chu đáo, nếu bố, mẹ cháu ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở cùng bố.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều xin vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị L; biên bản lấy lời khai anh N, ông P và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 điều 28,

khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L; xử:

Về hôn nhân: chị Vũ Thị L được ly hôn anh Giáp Văn N.

Về con chung: Giao cháu Giáp Thị L1, cháu Giáp Thị Bích P1 cho anh Giáp Văn Nghĩa L2 người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L, anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Do chị L, anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung với anh N. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị L là nguyên đơn hiện đang lao động tại Đài Loan. Anh Nghĩa L2 bị đơn có nơi cư trú tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án có nguyên đơn chị L hiện đang ở nước ngoài, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn chị Vũ Thị L, bị đơn anh Giáp Văn N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn P đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh N, ông P.

[4]. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Giáp Văn N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh N phát sinh mâu thuẫn, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Giáp Văn N.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị L, anh N chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị L đi lao động tại Đài Loan. Sau khi đi lao động vợ chồng vẫn hòa thuận

nhưng sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Anh N, chị L đều xác định hiện nay anh, chị sống ly thân nhau một thời gian dài, không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Mặc dù được hai bên gia đình gọi điện khuyên bảo nhưng không được. Nay, chị L, anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được giải quyết cho ly hôn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị L, anh N không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Nghĩa L2 phù hợp tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[6]. Về nuôi con chung: Chị L, anh N có 02 con chung là con chung là cháu Giáp Thị L1, sinh ngày 30/10/2008 và cháu Giáp Thị Bích P1, sinh ngày 09/01/2015. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh N. Sau khi ly hôn chị L đề nghị giao cháu L1 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu P1 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho ông P (là bố đẻ chị) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị L về nước sinh sống. Anh N đề nghị giao 02 con chung cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu L1 và cháu P1 có nguyện vọng được ở cùng bố.

Xét yêu cầu giao con chung của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Chị L hiện vẫn sinh sống, làm việc tại nước ngoài nên không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Các con chung đều trên 07 tuổi, đều có nguyện vọng được sinh sống cùng bố nếu bố mẹ ly hôn. Từ khi chị L đi lao động nước ngoài đến nay, các con chung vẫn sinh sống cùng anh N, các cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục không đảm bảo bằng việc giao các con chung cho anh Nghĩa là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu giao cháu P1 cho chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chấp nhận yêu cầu giao 02 con chung cho anh Nghĩa là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là phù hợp tình hình thực tế, phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của con chung.

Sau khi ly hôn chị Vũ Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trường hợp chị Vũ Thị L về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L, anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị L, anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Giáp Văn N, ông Vũ Văn P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở Việt Nam, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị L được ly hôn anh Giáp Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Giáp Thị L1, sinh ngày 30/10/2008 và cháu Giáp Thị Bích P1, sinh ngày 09/01/2015 cho anh Giáp Văn Nghĩa L2 người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000320 ngày 08/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Vũ Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Giáp Văn N, ông Vũ Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

